

Số: 31/2023/QĐST- HNGĐ

H, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 1071/2022/ TLST-HNGĐ ngày 30/12/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Mai Ngọc Q, sinh năm 1991; HKTT: Xã N, huyện N, tỉnh T; Cư trú: Phòng 202 C46 khu tập thể M, phường M, quận H, H;
- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; HKTT: 852 T, phường G, quận H, H; Cư trú: 19/687 T, phường G, quận H, H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Anh Mai Ngọc Q và Chị Nguyễn Thị D trình bày:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Mai Ngọc Q và Chị Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh T vào ngày 28/7/2012. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay Anh Q, Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Q, Chị D xác nhận có 02 con chung là: Mai Chúc A, sinh ngày 10/02/2013 và Mai Tuấn P, sinh ngày 11/05/2019.

Anh chị thỏa thuận, Chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả con chung: Mai Chúc A và Mai Tuấn P; Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng đối với mỗi con.(10.000.000 đồng/ tháng / 02 con)

Anh Q, Chị D xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết anh chị không có thai chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, Chị D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q, Chị D thống nhất thỏa thuận để Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra Anh Q, Chị D xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09/01/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Mai Ngọc Q và Chị Nguyễn Thị D cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Anh Q, Chị D xác nhận có 02 con chung là: Mai Chúc A, sinh ngày 10/02/2013 và Mai Tuấn P, sinh ngày 11/05/2019.

Giao cho Chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung: Mai Chúc A và Mai Tuấn P và ghi nhận Anh Q cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng đối với mỗi con (10.000.000 đồng/ tháng/ 02 con) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật(ngày 17/01/2023) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Anh Q, Chị D xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết anh chị không có thai chung.

* **Về tài sản chung:** Anh Q, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* **Về nợ chung:** Anh Q, Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Q, Chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của Anh Q chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền Anh Q đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 003083 ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND quận H;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh T;
- Số : 25, ngày 28/7/2012);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN ĐÌNH T

